|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **Dự thảo**  **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  Số: /BC-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016* |

**BÁO CÁO**

**TỔNG KẾT TÌNH HÌNH 10 NĂM THI HÀNH**

**LUẬT CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**PHẦN I**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT CNTT**

1. **VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI**
   1. **Công tác quán triệt, triển khai Luật CNTT**

Sau 10 năm thực hiện Luật CNTT, thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều thành công quan trọng từ ứng dụng CNTT trong xây dựng chính quyền điện tử gắn với cải cách hành chính, phát triển công nghiệp điện tử-CNTT, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng đến đào tạo, thu hút, phát triển nguồn nhân lực CNTT và hội nhập quốc tế.

Thành phố đã chủ động ban hành và tham mưu cho Bộ Thông tin và Truyền thông một số cơ chế, chính sách trong ứng dụng và phát triển CNTT - đặc biệt, tham mưu phát triển công viên phần mềm, các Khu CNTT tập trung, chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về trò chơi trực tuyến, chủ động đề xuất các chương trình đột phá phát triển công nghiệp CNTT (công nghiệp vi mạch), Chuỗi công viên phần mềm trọng điểm quốc gia, Chương trình an toàn thông tin, an ninh mạng, ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp nhà nước,...

Đa số các sở-ban-ngành, quận-huyện đều có bố trí cán bộ phụ trách về ứng dụng công nghệ thông tin. Tổng số cán bộ công chức CNTT tại các cơ quan nhà nước ước tính khoảng 584 người.

Thành phố đã ban hành các quy định về quản lý việc đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin như:

* Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20/10/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Qui định về quản lý thực hiện các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh;
* Quyết định 61/2008/QĐ-UBND ngày 17/7/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Qui định về công tác quản lý dự án, hạng mục ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh;

Thành phố cũng đã thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển nhân lực công nghệ thông tin; Trường Trung cấp công nghệ thông tin – truyền thông, Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông thành phố, và huy động được mọi nguồn lực xã hội, các trường, viện và hợp tác quốc tế để đầu tư phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố.

* 1. **Công tác ban hành văn bản**
* Quyết định số 4348/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập và ban hành Quy chế quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển nhân lực công nghệ thông tin Thành phố Hồ Chí Minh;
* Quyết định số 145/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình phát triển công nghệ thông tin – truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007 – 2010;
* Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Qui định công tác quản lý dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh;
* Quyết định số 145/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2007 về phê duyệt Chương trình phát triển công nghệ thông tin – truyền thông TPHCM giai đoạn 2007 – 2010;
* Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2008 – 2010;
* Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2014 ban hành kế hoạch triển khai số 36-CtrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 08 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;
* Chỉ thị số 07/2014/CT-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2014 về triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 theo Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt;
* Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 08 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 27-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/T.Ư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn thành phố;
* Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 – 2015.
* Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 14/5/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 11-CTrHĐ/TU ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố giai đoạn 2011 – 2015.
* Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình phát triển công nghệ thông tin – truyền thông giai đoạn 2011 – 2015.
* Quyết định số 5867/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình Phát triển ứng dụng CNTT trên công nghệ nguồn mở giai đoạn 2013 – 2015.
* Quyết định số 6358/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp vi mạch thành phố giai đoạn 2013 – 2020.
* Quyết định số 6319/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt chương trình xây dựng và triển khai an toàn an ninh thông tin trong cơ quan quản lý nhà nước giai đoạn 2012 – 2015.
* Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Quy hoạch công nghệ thông tin Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025.
* Quyết định số 6358/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Chương trình phát triển công nghiệp vi mạch thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 – 2020” và Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2015 về Bổ sung các trương trình, dự án nhánh và một số nội dung của Chương trình Phát triển Công nghiệp vi mạch Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 – 2020.
* Chương trình đảm bảo an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước thành phố giai đoạn 2016 – 2020: Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về phê duyệt Chương trình đảm bảo an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước thành phố giai đoạn 2016 – 2020.
* Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2016 về của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020”.
* Chuỗi CVPM Quang Trung: Thành phố Hồ Chí Minh đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thí điểm Chuỗi CVPM Quang Trung tại Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 tháng 2016.
* Chương trình phát triển công nghệ thông tin và truyền thông giai đoạn 2016 – 2020: Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 về phê duyệt “Chương trình phát triển công nghệ thông tin và truyền thông giai đoạn 2016 – 2020”.

1. **VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**
   1. **Về ứng dụng CNTT**
   2. **Đánh giá chung về tình hình ứng dụng CNTT**

Công tác triển khai chính quyền điện tử được thành phố tập trung chỉ đạo như một nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Hàng năm, ngân sách thành phố đều bố trí để thực hiện cho việc xây dựng và duy trì các ứng dụng CNTT của thành phố. Do vậy, các quận, huyện, sở, ban, ngành đã được tăng cường triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước trong thời gian qua. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin được hoàn thiện và củng cố, làm nền tảng hạ tầng phục vụ cho liên thông, kết nối chia sẻ thông tin giữa các cơ quan Nhà nước.

Tập trung triển khai ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông: tập trung hỗ trợ cải thiện môi trường đầu tư; tăng cường năng lực của cơ quan hành chính, thực hiện công khai minh bạch trong hoạch định chính sách, phòng chống tham nhũng và nâng cao năng lực phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng phục vụ cải cách hành chính, liên thông kết nối từ Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố đến các sở, ngành, quận, huyện phục vụ chỉ đạo điều hành, thực hiện ISO điện tử, ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp,… ; triển khai hệ thống liên thông phần mềm quản lý văn bản nhằm thực hiện giám sát quá trình giải quyết các chỉ đạo điều hành của các sở, ban, ngành, quận huyện .

Hoàn thiện và củng cố cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại các sở, ngành, quận, huyện và vận hành nền tảng hạ tầng phục vụ cho liên thông, kết nối chia sẻ thông tin giữa các cơ quan Nhà nước: Mạng MetroNet kết nối từ thành phố đến sở, ngành, quận, huyện và phường, xã, Trung tâm điều khiển NOC, Hệ thống thư điện tử thành phố, Hệ thống giao ban trực tuyến; Hệ thống liên thông Quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

Hệ thống phần mềm ứng dụng tiếp tục được đẩy mạnh triển khai và không ngừng nâng cấp phù hợp với yêu cầu công việc và tiến bộ công nghệ. Thành phố cũng đúc kết kinh nghiệm triển khai, đặc biệt là tại cấp sở, ngành để có những giải pháp phù hợp, có thể triển khai nhanh với chi phí thấp: phần mềm quản lý công văn, phần mềm lõi, cổng thông tin,…

Hệ thống Một cửa điện tử không ngừng được mở rộng về số lượng kết nối lẫn nội dung thông tin và phương tiện truy cập. Đây là kênh thông tin để lãnh đạo Thành phố, người dân và doanh nghiệp giám sát hiệu quả các hoạt động hành chính một cách công khai minh bạch.

Thành phố tăng cường công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin, phát hiện và ngăn chặn các trường hợp tấn công vào hệ thống thông tin của cơ quan Nhà nước.

**1.2. Đánh giá theo nội dung cụ thể của Luật CNTT**

* + 1. **Việc thực hiện quy định về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước**

Để tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, Thành phố đã ban hành Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định công tác quản lý dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh. Đây là quy định về quản lý dự án đầu tư công nghệ thông tin đầu tiên trên cả nước, phù hợp với đặc thù của ngành mới có tốc độ phát triển cao, công nghệ không ngừng đổi mới. Qua đó, Thành phố đã thực hiện phân cấp, ủy quyền cho Sở Thông tin và Truyền thông (TTTT) thẩm định và phê duyệt các dự án, hoạt động ứng CNTT trong các cơ quan nhà nước để đảm bảo nguyên tắc thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin. Thành phố cũng đã ban hành nhiều Chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT năm năm và hàng năm để đẩy mạnh triển khai xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân và tổ chức, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Trong đó, tập trung các nội dung:

* **Triển khai phần mềm tác nghiệp hành chính công vụ, tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước:** Hệ thống Thư điện tử công vụ; liên thông hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, chỉ đạo điều hành; Hệ thống ISO điện tử và trang thông tin Một cửa điện tử; Hệ thống Hội nghị trực tuyến bảo mật cao; Hệ thống quản lý khiếu nại, tố cáo
* **Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**Trang thông tin điện tử Tp.HCM và các trang thành viên; Hệ thống đánh giá sự hài lòng của người dân; dịch vụ công trực tuyến
* **Ứng dụng CNTT trong một số ngành, lĩnh vực:** kinh tế; giáo dục, y tế; quản lý đô thị; giảm ùn tắc giao thông; chống ngập; quản lý cán bộ công chức;dân cư; hộ tịch.
  + 1. **Việc thực hiện quy định về ứng dụng CNTT trong thương mại**

Đồng hành cùng với chương trình phát triển Thương mại điện tử trên cả nước theo Quyết định số 222/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 141/2007/QĐ-UBND với hàng loạt các chương trình được đặt ra có mục tiêu phát triển thương mại điện tử đến năm 2010 của thành phố Hồ Chí Minh, góp phần phát triển kinh tế bền vững, hội nhập nhanh chóng và sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ và hiện đại và hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, giúp mở rộng khả năng tiếp cận thị trường quốc tế và thị trường nội địa.

Để thực hiện những nhiệm vụ đặt ra, những giải pháp được xây dựng như sau:

+ Nhóm giải pháp 1: Tuyên truyền, đào tạo, phổ cập kiến thức về thương mại điện tử;

+ Nhóm giải pháp 2: Phát triển hạ tầng công nghệ thương mại điện tử;

+ Nhóm giải pháp 3: Hợp tác quốc tế về thương mại điện tử;

+ Nhóm giải pháp 4: Nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại điện tử;

Bước đầu đã xây dựng được nền tảng cho chương trình thương mại điện tử của thành phố.

Năm 2011, Thành phố tiếp tục bàn hành Quyết định số 2471/2011/QĐ-UBND ngày 19/5/2011 về phê duyệt kế hoạch phát triển Thương mại điện tử (TMĐT) giai đoạn 2011 – 2015. Dựa trên những chỉ tiêu của kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử do Chính phủ ban hành, dựa trên nền những yếu tố thuận lợi và đặc điểm của thành phố với chủ trương phát triển thương mại điện tử để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh, giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường nước ngoài cũng nhưng đáp ứng tốt nhu cầu người tiêu dùng. Vẫn trên cơ sở phát triển hoàn thiện những giải pháp đã đề ra tại Quyết định 141 trước đó. Các nội dung được hoàn thiện, cụ thể hóa.

Cơ sở hạ tầng phát triển, kinh tế phát triển, nhu cầu đời sống văn hóa xã hội của người dân cũng từng bước được nâng lên, thương mại điện tử cũng đến gần hơn với doanh nghiệp với người tiêu dùng. Những chương trình được xây dựng ra và được đầu tư và thực hiện một cách nghiêm túc, bài bản.

Việc sử dụng phương tiện điện tử vào hoạt động kinh doanh (thương mại điện tử) của doanh nghiệp thành phố được tiến hành theo các phương thức chủ yếu sau:

- Dùng thư điện tử (email): hầu hết doanh nghiệp thành phố đều đã sử dụng email để giao dịch với đối tác, khách hàng.

- Dùng trang thông điện tử (website):

+ Về quy mô: theo thông tin từ Trung tâm Thông tin Internet Việt Nam cung cấp ngày 29/8/2016, hiện có 142.757 tên miền website do các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố đăng ký sử dụng. Hiện có khoảng 40.000 đến 60.000 website thương mại điện tử đang hoạt động, cho thấy phương thức này ngày càng được doanh nghiệp quan tâm đầu tư bởi chi phí thấp, truy cập mọi lúc - mọi nơi, phù hợp với xu hướng thay đổi thói quen mua sắm của người tiêu dùng Thành phố.

+ Về mức độ chuyên sâu: các doanh nghiệp Thành phố đã chú trọng đầu tư cho website thương mại điện tử ngày một chuyên nghiệp hơn. Trong ngắn hạn, đây là kênh hỗ trợ cho các kênh phân phối truyền thống. Về dài hạn, đây là kênh phân phối chủ lực nhờ sự phát triển của công nghệ di động và các dịch vụ logistic như kho bãi, giao - nhận. Biểu hiện rõ nét nhất là các nhà đầu tư nước ngoài (chủ yếu từ Nhật Bản) liên tiếp mua cổ phần, đầu tư vào các doanh nghiệp thương mại điện tử Thành phố. Trên bình diện cả nước, đã có nhiều website thương mại điện tử thành phố tạo dựng được thương hiệu như: **thegioididong** (chuyên bán điện thoại, máy tính bảng, laptop), **lazada** (hàng gia dụng), **tiki** và **vinabook** (bán sách), sàn giao dịch **5giay**...

Hiện nay, doanh nghiệp Thành phố đang chuyển hướng đầu tư xây dựng phiên bản website dùng trên các thiết bị di động như smartphone, máy tính bảng... để bắt kịp xu hướng ứng dụng thương mại điện tử của thế giới.

Ngoài ra, các doanh nghiệp còn sử dụng diễn đàn, mạng xã hội như là công cụ hỗ trợ dùng chăm sóc khách hàng, tiếp nhận ý kiến đánh giá về sản phẩm, giới thiệu các chương trình khuyến mại,...

* + 1. **Việc thực hiện quy định về ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực**
* **Giáo dục và đào tạo:**

Hiện nay, ngành giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai các ứng dụng: Hệ thống phần mềm quản lý giáo dục, Hệ thống Cổng thông tin điện tử, cụ thể như sau:

* Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục cho 1024 trường (tiểu học: 523 đơn vị, trung học cơ sở: 301 đơn vị, trung học phổ thông và ngoài công lập: 200 đơn vị).
* Thực hiện chuyển đổi toàn bộ hệ thống các trang thông tin ngành giáo dục đào tạo lên Trung tâm dữ liệu của Thành phố.
* **Y tế:**

Ứng dụng công nghệ thông tin của phần lớn bệnh viện, nhìn chung là đạt ở mức trung bình, chỉ có 10 bệnh viện (chiếm 11%) là có ứng dụng công nghệ thông tin ở mức khá trở lên. Các bệnh viện khi triển khai ứng dụng CNTT tại đơn vị chưa lưu ý áp dụng các quy định đối với hoạt động ứng dụng CNTT trong ngành y tế. Hiện tại, cơ sở dữ liệu ngành y tế đang phân tán tại bệnh viện các tuyến thành phố, quận - huyện và các trạm y tế chưa tập trung về Sở Y tế để phục vụ công tác quản lý, dẫn đến khó khăn trong tích hợp liên thông kết nối.

* **Ứng dụng CNTT trong quốc phòng, an ninh**

Ủy ban nhân dân thành phố đã thực hiện chủ trương hợp tác với các đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, hiện đại hóa hạ tầng, công cụ phục vụ đảm bảo an ninh thông tin và sẵn sàng chiến đấu. Các dự án cụ thể đã triển khai gồm: Dự án “Xây dựng hệ thống hỗ trợ giám sát bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh”; Dự án “Xây dựng lực lượng cơ động ứng cứu khẩn cấp máy tính quân sự khu vực phía Nam”; Dự án “Hệ thống mô phỏng phục vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu” Dự án “Hiện đại hóa hệ thống thông tin bảo đảm sẵn sàng chiến đấu của Quân chủng Phòng không - Không quân”; Dự án “Xây dựng hệ thống quản lý kho vũ khí - khí tài, tài liệu và xe chuyên dụng tại Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh” Dự án “Hiện đại hóa hệ thống thông tin đảm bảo sẵn sàng chiến đấu của Quân chủng Phòng không - Không quân (giai đoạn 2); Tích hợp các hệ thống camera giám sát phục vụ đảm bảo an ninh trật tự.

* 1. **Về công nghiệp CNTT**
  2. **Đánh giá chung về tình hình phát triển công nghiệp CNTT**

Trong những năm qua, TP.HCM luôn là địa phương đi đầu cả nước trong việc thực hiện các chủ trương, định hướng lớn về xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng thông tin, phát triển công nghệ thông tin với các Chương trình mang tính đột phá. Cho đến nay, ngành công nghệ thông tin của TP.HCM có những bước phát triển khá mạnh, luôn là địa phương đi đầu trong việc phát triển khu phần mềm tập trung và được nhiều tập đoàn công nghệ thông tin hàng đầu thế giới đã tham gia đầu tư vào thị trường (Intel, Samsung,..). Doanh thu lĩnh vực công nghệ thông tin 5 năm 2011-2015 đạt 565.314 tỷ đồng, tăng trên khoảng 255% so với giai đoạn 2006-2010.

* 1. **Đánh giá theo nội dung cụ thể của Luật CNTT**

Thành phố đã chủ động triển khai một số cơ chế, chính sách trong ứng dụng và phát triển CNTT, phát triển công viên phần mềm, Khu CNTT tập trung, chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về trò chơi trực tuyến, chủ động đề xuất các chương trình đột phá phát triển công nghiệp CNTT (công nghiệp vi mạch), Chuỗi công viên phần mềm trọng điểm quốc gia. Trong những nằm gần đây thành phố đẩy mạnh phát triển công nghiệp CNTT thành ngành kinh tế chủ lực với lợi thế là công nghiệp phần mềm, dịch vụ phần mềm, nội dung số gắn với phát triển chuỗi công viên phần mềm; phát triển công nghiệp vi mạch – hình thành một hệ sinh thái cho ngành công nghiệp vi mạch hướng đến thị trường nội địa và từng bước tham gia thị trường khu vực, nâng cao năng lực làm chủ công nghệ của thành phố.

**Hoạt động của CVPM Quang Trung:**

Có 135 doanh nghiệp (DN) phần mềm, nội dung số, dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT) đang hoạt động tại CVPM Quang Trung (48 DN nước ngoài và 87 DN trong nước); trong đó, có 21 DN CNTT siêu nhỏ, DN khởi nghiệp với tổng vốn đăng ký kinh doanh trên 2.463 tỷ đồng. Tổng số người tham gia học tập và làm việc thường xuyên khoảng 19.605 người (trong đó số kỹ sư và chuyên viên tại chỗ là 9.085 người; sinh viên tại chỗ khoảng 10.520 người).

Các DN SXPM lớn tại CVPM Quang Trung có bước phát triển khả quan, hầu hết các DN SXPM và CNTT lớn trong CVPM Quang Trung hoạt động ổn định, một số DN đã bắt đầu triển khai mở rộng hoạt động. Các DN đăng thông tin tuyển dụng liên tục trên website của QTSC để đăng tuyển hàng trăm vị trí khác nhau để mở rộng quy mô DN, chưa kể các DN lớn như GCS, SPS, TMA Solutions, Larion tự huấn luyện hoặc tuyển dụng qua nhiều kênh khác.

**Chương trình phát triển công nghiệp vi mạch TP.HCM:**

Chương trình phát triển công nghiệp vi mạch Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 – 2020 được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo Quyết định số 6358/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 - gồm 10 đề án, dự án, chương trình nhánh: *Đề án Đào tạo lĩnh vực thiết kế vi mạch, Đề án Ươm tạo doanh nghiệp công nghệ vi mạch và hệ thống nhúng, Đề án Phát triển thị trường vi mạch điện tử, Chương trình Nghiên cứu thiết kế và sản xuất thử nghiệm vi mạch, Đề án Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách, và biện pháp hỗ trợ phát triển công nghiệp vi mạch Thành phố, Dự án xây dựng Nhà thiết kế (Design House) và Dự án xây dựng nhà máy sản xuất vi mạch; Chương trình phát triển vi cơ điện tử (MEMS); Đề án LabToFab (phòng thí nghiệm nghiên cứu vi mạch có thể sản xuất qui mô nhỏ); Chương trình sản xuất sản phẩm điện tử ứng dụng vi mạch Việt*.

Để phục vụ cho công tác chỉ đạo triển khai Chương trình, Ủy ban nhân dân Thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc bằng Quyết định số 5864/QĐ-UBND ngày 28/10/2013 với sự tham gia của lãnh đạo 2 Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM.

Sau 3 năm thực hiện, Chương trình đã có những kết quả bước đầu đáng khích lệ:

* Tập hợp được sự tham gia của các tổ chức, cơ quan, viện, trường, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố dưới sự chỉ đạo thống nhất của Ban Chỉ đạo thành phố.
* Thành phố Hồ Chí Minh đã góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên bản đồ sản xuất chíp của thế giới: đứng thứ 3 về lĩnh vực thiết kế vi mạch trong khu vực ASEAN, thu hút các dự án có vốn đầu tư nước ngoài (như Intel, Samsung, Microchip, …), công bố các sản phẩm mới (CPU Haswel của Intel, sản phẩm khóa điện tử, điện kế điện tử, hộp theo dõi hành trình XAIO, khoá xe container, theo dõi quản lý thiết bị phóng xạ, sản phẩm đặc thù của Ban cơ yếu Chính phủ về bảo mật... của Trung tâm ICDREC – ĐHQG TPHCM);
* Đã tạo và thu hút được sự quan tâm, phối hợp từ các cơ quan Trung ương (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng), Hiệp hội trong nước, các tổ chức, doanh nghiệp lớn nước ngoài (IMEC, SIIQ–Kuyshu Nhật Bản, ISRC-SNU Hàn Quốc, SEMI Asia, NXP, Microchip,…), chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài (Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản) cùng phát triển ngành công nghiệp vi mạch;
* Hoạt động đào tạo nhân lực, nghiên cứu, thiết kế, sản xuất thử đã được chú trọng, đẩy mạnh ngay từ đầu và có những kết quả bước đầu, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp vi mạch Thành phố.
  1. **Về phát triển nguồn nhân lực CNTT**

Định kỳ hàng năm, Thành phố triển khai đào tạo nhân lực đồng bộ các nội dung: Nâng cao nhận thức về công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước cho lãnh đạo các sở-ban-ngành, quận-huyện; Nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ bảo mật mạng, an toàn và an ninh thông tin cho đội ngũ chuyên trách và các cán bộ phụ trách an ninh thông tin của các đơn vị trên địa bàn thành phố (Quản trị mạng Windows – MCSA 2012; Quản trị mạng Linux – LPIC 1, 2; Tổ chức khóa học về An ninh mạng – Security+;…); Tổ chức tập huấn theo hình thức tập trung và cử nhân sự trực tiếp đến tập huấn tại đơn vị nhằm nâng cao năng lực ứng dụng CNTT vào quản lý, chỉ đạo, điều hành (tập huấn sử dụng thư điện tử công vụ, lịch công tác;…)

Tổ chức các lớp về Lập và quản lý dự án; Lập dự toán chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; Giám sát thi công cho các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Nghị định số 102/2009/NĐ-CP. Các lớp học này liên tục được tổ chức từ năm 2010 đến nay với gần 700 người tham dự và được cấp chứng chỉ đủ điều kiện tham gia quá trình quản lý và triển khai dự án công nghệ thông tin.

Quỹ hỗ trợ phát triển nhân lực CNTT - TT đã hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo kiến thức bổ sung (kỹ năng mềm) và kiến thức nâng cao nhằm phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin cua các doanh nghiệp tại Thành phố như: tổ chức các khóa Đào tạo quản lý dự án theo tiêu chuẩn quốc tế (do Hội Tin học tổ chức); tổ chức Hội thi Tin học trẻ thành phố (do Thành đoàn tổ chức); tổ chức khóa Đào tạo nâng cao năng lực thực hiện công tác an ninh thông tin cho các doanh nghiệp Thành phố (do khu công nghệ phần mềm - Đại học Quốc gia tổ chức); tổ chức các khóa học về kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, theo dõi và quản lý hợp đồng, kỹ năng đàm phán, ...).

* 1. **Về cơ sở hạ tầng thông tin**
  2. **Hạ tầng kết nối của Chính quyền Thành phố**

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Chính quyền Thành phố được hoàn thiện và đưa vào vận hành nền tảng hạ tầng phục vụ cho liên thông, kết nối chia sẻ thông tin giữa các các cấp: Mạng MetroNet kết nối từ thành phố đến sở, ngành, quận, huyện và phường, xã, Trung tâm điều khiển NOC, Hệ thống thư điện tử thành phố, Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; Hệ thống liên thông Quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

* *Trung tâm dữ liệu Thành phố:* hạ tầng công nghệ thông tin của toàn thành phố với trên 300 máy chủ phục vụ triển khai các ứng dụng và cơ sở dữ liệu (cổng thông tin điện tử, email, các ứng dụng và cơ sở dữ liệu của quận - huyện, sở - ngành …) theo mô hình tập trung. Việc triển khai hệ thống tại Trung tâm dữ liệu giúp tiết kiệm chi phí đầu tư do tận dụng tối ưu tài nguyên và đáp ứng kịp thời nhu cầu triển khai ứng dụng; đặc biệt trong việc đảm bảo việc vận hành liên tục và quản lý an toàn, an ninh thông tin.
* *Hệ thống mạng đô thị băng thông rộng thành phố (MetroNet):*Thành phố đã thực hiện kết nối từ Ủy ban nhân dân Thành phố đến sở, ban, ngành, quận, huyện, phường, xã, thị trấn, các Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc mạng thông qua hệ thống mạng băng thông rộng. Hiện nay, có tổng cộng 737 điểm đã kết nối vào hệ thống mạng phục vụ việc trao đổi thông tin trong vận hành, liên thông hệ thống thông tin chỉ đạo điều hành các cấp.
* *Hạ tầng công nghệ thông tin tại các quận - huyện, sở - ban - ngành:*tất cả các quận, huyện và các sở, ban, ngành trên địa bàn Thành phố đều đã được đầu tư hệ thống hạ tầng theo mô hình chung bao gồm mạng nội bộ, trang thiết bị máy trạm, máy chủ, các thiết bị mạng, hệ thống an toàn thông tin… phục vụ khá tốt nhu cầu của các đơn vị trong thời gian vừa qua.
  1. **Hạ tầng viễn thông trên địa bàn Thành phố**

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, tính đến năm 2015 số thuê bao internet trên địa bàn đạt 8,4 triệu thuê bao, gấp 9,1 lần so với năm 2010, tăng bình quân 55,5%/năm giai đoạn 2011 - 2015. Trong đó, Internet băng rộng di động đạt 6,55 triệu thuê bao, internet băng rộng cố định đạt 1,87 triệu thuê bao. Số thuê bao điện thoại di động trên địa bàn đến năm 2015 đạt 14,8 triệu thuê bao, đạt 180 thuê bao trên 100 dân. Để đáp ứng nhu cầu gia tăng nhanh chóng về số thuê bao điện thoại di động và các thiết bị di động kết nối internet trên địa bàn thành phố, các doanh nghiệp trong nước (Viettel, VNPT,…) đã đầu tư mở rộng mạng lưới tăng số lượng trạm BTS lên 8.250 cột năm 2015, tăng 9,2%/năm giai đoạn 2011 – 2015, tập trung đầu tư các tổng đài quốc tế, hệ thống tổng đài NGN, hệ thống cáp quang quốc tế,trung tâm chuyển mạch dữ liệu Internet trong nước VNIX, hệ thống kết nối Internet băng thông rộng cố định (ADSL, CATV, FTTH) và băng thông rộng di động (3G, 3.5G),...

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được phát triển và đóng vai trò cấp thiết trong việc thống nhất quản lý, song song với công tác phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông một cách đồng bộ giữa các doanh nghiệp, giữa các ngành. Tính đến hết năm 2015, Thành phố Hồ Chí Minh đã hoàn thành chỉnh trang làm gọn cáp viễn thông treo trên 144.940 trụ điện, tương đương trên 3.892 km chiều dài tuyến cáp; ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông treo đồng bộ với ngầm hóa cáp điện 116 tuyến đường với chiều dài 264 km; thực hiện hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông tập trung xây dựng, củng cố phát triển trạm BTS mới (ưu tiên cho các vị trí trạm BTS trùng tọa độ để cùng sử dụng khi xây dựng hạ tầng).

Thành phố đã xây dựng và ban hành Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động làm cơ sở để các doanh nghiệp viễn thông xây dựng phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại, bền vững, sử dụng chung, đảm bảo mỹ quan đô thị để tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ băng rộng, hội tụ đa dịch vụ với chất lượng tốt, giá cước hợp lý theo cơ chế thị trường.

* 1. **Về đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT**

Tổng số kinh phí giao thực hiện đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT trong giai đoạn 2008-2015 là khoảng 1.400 tỷ đồng, triển khai hiệu quả cho gần 1000 dự án/hạng mục CNTT-TT trên địa bàn Thành phố.

Kinh phí chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ lĩnh vực Công nghệ Thông tin và Điện tử Viễn thông cho 73 đề tài triển khai mới hàng năm giai đoạn 2007 – 2015 là 36,359 tỷ đồng. Nhìn chung, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được triển khai đã bám sát các mục tiêu đề ra, tuy nhiên, do hạn chế trong công tác triển khai kết quả nghiên cứu vào ứng dụng thực tế nên còn nhiều sản phẩm nghiên cứu khoa học chưa được triển khai sau nghiệm thu. Chưa có nhiều sản phẩm mang tính chiến lược, đầu tư phát triển các sản phẩm còn dàn trải dẫn đến thiếu tính công nghiệp gây khó khăn trong công tác thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu khoa học.

* 1. **Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực CNTT**

Về hợp tác, liên kết vùng: Thành phố đã ký bản ghi nhớ hợp tác với hơn 20 tỉnh, thành phố; đào tạo, tập huấn và chuyển giao công nghệ và mã nguồn phần mềm nguồn mở về văn phòng điện tử cho 28 tỉnh, thành phố; hỗ trợ công tác đánh giá an toàn an ninh thông tin các cổng thông tin cho 5 tỉnh; hỗ trợ và phối hợp nhiều hoạt động về hội thảo chuyên ngành, hội thảo thu hút đầu tư (tại Quảng Nam, Thừa Thiên – Huế, Đà Lạt – Lâm Đồng, Vĩnh Long, Tây Ninh, Bình Thuận, Ninh Thuận, …).

Đặc biệt, Thành phố đã chủ trì làm việc, triển khai các hoạt động phối hợp, trao đổi và chuyển giao kinh nghiệm quản lý, thống nhất với các địa phương (tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Nam Định), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (chủ quản của Khu Công nghệ phần mềm), Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) để nghiên cứu và xây dựng Chuỗi công viên phần mềm, lấy Công viên phần mềm Quang Trung làm mô hình tham chiếu, có sự điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm và điều kiện kinh tế, xã hội của từng địa phương và đơn vị theo Nghị quyết số 36.

Về công tác hợp tác quốc tế: Thành phố đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực vi mạch, bán dẫn, an toàn thông tin và đào tạo nguồn nhân lực. Trong các năm qua, lãnh đạo Thành phố đã tiếp và làm việc với nhiều tổ chức và tập đoàn lớn trên thế giới như: IBM, Microsoft, Cisco, Intel, HP, IMEC, … Nhiều thỏa thuận hợp tác đã được Thành phố ký kết (thông qua các Sở chuyên ngành như Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao); hàng năm tổ chức các đoàn xúc tiến tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, các nước thuộc cộng đồng Châu Âu, Singapore. Thành phố tổ chức Hội nghị gặp gỡ Việt Kiều nhằm tổng hợp ý kiến góp ý và đóng góp cho sự phát triển ngành công nghệ thông tin Thành phố; từ đó đã xây dựng và ban hành chính sách thu hút các chuyên gia trình độ cao tham gia tư vấn, đào tạo lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ thông tin.

* 1. **Về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm**
     + - 1. Giải quyết tranh chấp

Trong giai đoạn 2007-2015, Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được đơn thư, yêu cầu nào về giải quyết tranh chấp đối với lĩnh vực CNTT.

* + - * 1. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực CNTT giai đoạn 2007-2015:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hành vi vi phạm** | **Tổng số tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm** | **Tổng số tiền**  **xử phạt**  (*đồng)* |
| 1 | Tên miền | 2 | 5.500.000 |
| 2 | Vi phạm về trang thông tin điện tử | 346 | 1.935.000.000 |
| 3 | Vi phạm về trộm cắp, mua bán tài khoản ngân hàng | 5 | 40.500.000 |
| 4 | Phát tán vi rút máy tính, phần mềm gây hại; Tấn công từ chối dịch vụ | 6 | 10.000.000 |
| 5 | Phát tán tin nhắn rác | 9 | 55.000.000 |
| 6 | Vi phạm về cung cấp dịch vụ Internet | 4 | 43.500.000 |
| **Tổng cộng** | | **372** | **2.089.500.000** |

* 1. **Về An toàn thông tin**

Thành phố đã tập trung chỉ đạo và ban hành các Chương trình An toàn thông tin trong đó gồm 3 nhóm công việc chính: (1) Đảm bảo cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin – truyền thông; (2) Đảm bảo an toàn thông tin và dữ liệu; (3) Đảm bảo nguồn nhân lực. Đến nay, thành phố đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ trọng tâm trong quyết định này, cụ thể như sau:

* Triển khai và tăng cường an toàn an ninh thông tin tại Trung tâm dữ liệu thành phố. Hạ tầng trung tâm dữ liệu thành phố được xây dựng trên nền tảng hạ tầng điện toán đám mây hiện đại đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008, tiêu chuẩn an toàn thông tin ISO 27001:2005, được đầu tư đầy đủ hệ thống và chính sách bảo vệ giám sát an ninh hiện đại, đảm bảo nguồn nhân lực chuyên trách về an toàn thông tin giám sát vận hành liên tục cơ sở dữ liệu của thành phố.
* Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin thay thế các trang thiết bị, máy móc cũ đã đến thời hạn khấu hao tại các cơ quan ban, ngành, quận, huyện trên địa bàn.
* Hoạt động của Trung tâm điều hành hệ thống mạng băng thông rộng thành phố (NOC) và Trung tâm giám sát an ninh mạng (SOC): hệ thống có bộ phận kỹ thuật chuyên trách về NOC và SOC với trang bị các thiết bị chuyên dùng nhằm đảm bảo an toàn thông tin cho các cơ quan nhà nước Thành phố, kịp thời khắc phục các sự cố mất an ninh thông tin. Định kỳ, đội ngũ này thực hiện giám sát, phát hiện và ngăn chặn hàng trăm hành vi có dấu hiệu vi phạm an ninh mạng vào cổng thông tin điện tử và các cơ sở dữ liệu trọng yếu của thành phố, tình hình lây lan mã độc trên hệ thống mạng diện rộng giúp thành phố chủ động trong việc đảm bảo hệ thống thông tin của thành phố được hoạt động liên tục, an toàn.
* Triển khai hệ thống an ninh thông tin nhằm đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin cho các sở, ngành, quận, huyện theo mô hình chung gồm hệ thống tường lửa, chống sét, phòng chống mã độc trên hệ thống mạng.
* Thành phố đã tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện nội dung các chính sách đảm bảo an toàn thông tin nhằm giảm thiểu các nguy cơ gây mất an toàn thông tin trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố.
* Triển khai phần mềm có bản quyền: bên cạnh thực hiện tổ chức triển khai hệ điều hành, ứng dụng có bản quyền, Thành phố từng bước triển khai chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trên công nghệ nguồn mở, nhằm tăng cường khả năng làm chủ công nghệ, giảm phụ thuộc vào đơn vị cung cấp.
* Ban hành kế hoạch và thực hiện kiểm tra, rà soát, tăng cường đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống thông tin trong những ngày lễ lớn.

1. **ĐÁNH GIÁ CHUNG** 
   1. **Đánh giá tóm tắt các kết quả đạt được**

Luật Công nghệ thông tin được ban hành có ý nghĩa quan trọng góp phần đưa các hoạt động triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong đời sống xã hội và các cơ quan nhà nước đi vào nề nếp, tuân thủ pháp luật, góp phần thúc đẩy các cơ quan nhà nước hình thành các hệ thống văn bản pháp quy đưa các hoạt động phát triển công nghệ thông tin đi đúng quỹ đạo, tạo ra hành lang pháp lý khuyến khích thúc đẩy mọi nguồn lực xã hội, trong và ngoài nước đầu tư phát triển công nghệ thông tin trong những năm vừa qua.Thành phố đã ban hành Kế hoạch dài hạn ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước cho giai đoạn 5 năm và triển khai kế hoạch phát triển công nghệ thông tin hàng năm một cách khoa học; ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư công nghệ thông tin đầu tiên trên cả nước, phù hợp với đặc thù của ngành mới có tốc độ phát triển cao, công nghệ không ngừng đổi mới.

Đối với phát triển nguồn nhân lực, Thành phố là đơn vị đầu tiên thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển nhân lực công nghệ thông tin và thành lập Trường Trung cấp Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông và huy động được mọi nguồn lực xã hội, các trường, viện và hợp tác quốc tế để đầu tư phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố.

Công tác xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm được Thành phố chú trọng triển khai trong nhiều năm qua. Định kỳ hàng năm, ngân sách Thành phố bố trí để thực hiện cho việc xây dựng và duy trì các ứng dụng CNTT, đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin nhằm đảm bảo phát hiện và ngăn các trường hợp tấn công vào hệ thống thông tin của cơ quan Nhà nước.

Công nghiệp điện tử - CNTT là một trong 4 ngành công nghiệp trọng yếu của thành phố. Thành phố đã xây dựng khu công viên phần mềm Quang Trung, khu công nghệ cao, các khu chế xuất, khu công nghiêp tạo điều kiện thu hút các tập đoàn hàng đầu thế giới đầu tư vào sản xuất các thiết bị, linh kiện điện tử - CNTT, sản xuất và gia công phần mềm, dịch vụ nội dung số. Công nghiệp phần cứng với đóng góp chủ yếu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như Intel Products Việt Nam, Samsung, Jabil Việt Nam. Thành phố đã tạo lập được vị trí hàng đầu cả nước và khu vực về sản xuất, gia công phần mềm gắn với thương hiệu Công viên phầm mềm Quang Trung – nằm trong nhóm 20 thành phố có năng lực gia công phần mềm triển vọng nhất trên thế giới. Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã là điểm đến hấp dẫn của nhiều tập đoàn, công ty lớn trong và ngoài nước về điện tử-CNTT như HP, IBM, Microsoft, FPT, TMA, HPT. Dịch vụ CNTT, viễn thông cũng là một trong 9 ngành dịch vụ chủ yếu của kinh tế thành phố, có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 3 năm gần đây. Doanh thu viễn thông, internet đạt 24.306 tỷ đồng/năm, truyền hình cáp đạt khoảng 3.000 tỷ đồng/năm. Đóng góp trực tiếp của ngành kinh tế CNTT vào thành quả chung của kinh tế thành phố còn chưa cao so với một số ngành truyền thống khác, mới chỉ chiếm khoảng 4,9% tổng giá trị các ngành công nghiệp. Tuy nhiên, ngành này đã và đang là ngành có tốc độ tăng trưởng ngày càng cao và là cao nhất trong các ngành công nghiệp.

Trong các năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều hoạt động thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp vi mạch tại thành phố. Chương trình phát triển công nghiệp vi mạch thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2020 là chương trình có tính chiến lược và đột phá, hướng tới việc tạo nên một sự phát triển đột phá trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin của thành phố nói riêng cũng như cả nước nói chung.

* 1. **Những vướng mắc, bất cập khi tổ chức triển khai thực hiện các quy định trong Luật CNTT**
* Về ban hành các văn bản hướng dẫn và triển khai: Điều 4, khoản 9 Luật CNTT có nêu rõ *“Công nghiệp công nghệ thông tin là ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao sản xuất và cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin, bao gồm sản phẩm phần cứng, phần mềm và nội dung thông tin số”*. Tuy nhiên, trong thời gian qua, việc ban hành các văn bản mang tính định hướng và phát triển chủ yếu áp dụng cho công nghiệp phần cứng và phần mềm, riêng ngành công nghiệp nội dung thông tin số gần như không có văn bản hướng dẫn cụ thể để tạo hành lang pháp lý cho ngành công nghiệp này phát triển. Điều này dẫn đến tình trạng ngành công nghiệp này phát triển nhanh, mang lại doanh thu lớn nhưng việc quản lý, giám sát và định hướng phát triển cho ngành công nghiệp nội dung thông tin số còn chưa hiệu quả và mang tính tự phát.
* Về công tác phối hợp trong triển khai ứng dụng CNTT giữa Trung ương và địa phương: Ứng dụng CNTT theo ngành dọc (do các cơ quan Trung ương triển khai) và tại địa phương (các Tỉnh/ Thành phố trực thuộc Trung ương) chưa có sự phối hợp một cách tổng thể. Ví dụ: triển khai Hệ thống quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; triển khai Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; về đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,…
* Về việc triển khai ứng dụng CNTT tại địa phương: Thủ tục hành chính và quy trình ISO chưa thống nhất ở cấp quận, huyện dẫn đến việc khó khăn trong triển khai các phần mềm dùng chung, chia sẻ thông tin và liên thông dữ liệu giữa các quận, huyện. Thủ tục hành chính luôn thay đổi thường xuyên cũng là một trong những thách thức mà việc triển khai ứng dụng CNTT tại các đơn vị phải đối mặt với nhiều rủi ro. Ngoài ra, vấn đề liên thông thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước cũng là một khó khăn hiện nay. Việc chia sẻ cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước cũng là vấn đề mà Thành phố đang nghiên cứu thực hiện.
* Về chính sách đãi ngộ đối với nhân sự hoạt động trong lĩnh vực CNTT: Hiện nay, TP.HCM chưa có tiêu chuẩn chức danh, cơ chế lương, phụ cấp phù hợp cho cán bộ công chức chuyên trách làm việc về công nghệ thông tin, dẫn đến khó thu hút nguồn nhân lực làm việc và gắn bó lâu dại tại các cơ quan hành chính nhà nước.
* Điều 51, Luật CNTT có đề cập đến nội dung khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư, xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung theo quy hoạch của Chính phủ. Tuy nhiên, đến nay sau 10 năm Luật CNTT đi vào thực tế, vẫn chưa có khu CNTT tập trung nào được đầu tư và đi vào hoạt động, ngoại trừ những khu công viên phần mềm đã được xây dựng và đi vào hoạt động từ trước như khu công viên phần mềm Quang Trung tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả này cho thấy điều này trong Luật chưa mang tính khả thi và thực tế.
  1. **Tính đồng bộ của Luật CNTT với các văn bản pháp luật khác**

Về công nghiệp CNTT, việc định nghĩa các hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin, nhất là hoạt động về công nghiệp phần mềm, chưa có sự thống nhất giữa Luật CNTT, Quyết định 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc ban hành quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, Hệ thống phân loại sản phẩm chủ yếu của Liên hợp quốc (CPC). Do đó, các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước chưa có cách hiểu thống nhất về các ngành nghề CNTT khi thực hiện đăng ký doanh nghiệp hoặc áp dụng các chính sách ưu đãi thuế,…

**PHẦN II**

**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. **GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH LUẬT CNTT**
2. **Các giải pháp hoàn thiện thể chế**

* Các nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế liên quan đến CNTT tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư 2014, Luật Doanh nghiệp 2014, ... và các văn bản quy phạm pháp luật khác nhằm bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật CNTT.
* Các nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật CNTT.

1. **Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về CNTT**

* Theo Khoản 2, Điều 25, Luật Công nghệ thông tin, Chính phủ quy định cụ thể các điều kiện bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin, trong đó có nguồn tài chính bảo đảm cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, trong kế hoạch kinh phí hoạt động của nhiều tỉnh, thành phố chưa có mục chi cho sự nghiệp công nghệ thông tin, dẫn đến các kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin không được triển khai đúng tiến độ, yêu cầu. Do đó, ngoài một số tỉnh, thành phố có đủ khả năng bố trí kinh phí triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, hầu hết các tỉnh khác đều thiếu kinh phí triển khai công nghệ thông tin, gây khó khăn cho nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử của địa phương. Do đó, đề xuất:

**+** Chính phủ quy định trong nội dung chi ngân sách của Chính phủ và các địa phương phải có mục chi cho ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Nhà nước

**+** Việc ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan Nhà nước cũng là một hình thức ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp nên đề xuất cho phép các địa phương sử dụng kinh phí khoa học công nghệ để thực hiện nhiệm vụ này.

* Chính phủ khẩn trương triển khai xây dựng tiêu chuẩn chức danh, chế độ ưu đãi về điều kiện làm việc cho người hoạt động chuyên trách về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước (theo điều 44 Luật CNTT).

1. **BỔ SUNG, SỬA ĐỔI LUẬT CNTT**
2. **Các quy định cần sửa đổi, thay thế trong Luật CNTT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đề xuất sửa đổi, thay thế Luật CNTT và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật** | | | |
| **Điều khoản cần sửa đổi, thay thế** | **Nội dung sửa đổi, thay thế** | **Lý do** | **Dự kiến tác động của đề xuất sửa đổi, thay thế** |
| 1 | Điều 47.Loại hình công nghiệp công nghệ thông tin | Cần nghiên cứu cho phù hợp với Hệ thống phân loại sản phẩm chủ yếu của Liên hợp quốc (CPC), hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam |  | Tạo thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển công nghiệp CNTT |
| 2 | **Điều 71.** Chống vi rút máy tính và phần mềm gây hại;  **Điều 72**. Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin | Bỏ 2 điều khoản này | Luật An toàn thông tin mạng đã có hiệu lực |  |
| 3 | **Điều 58.Cơ sở dữ liệu quốc gia** | Bổ sung khoản 5: “Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia có trách nhiệm tích hợp CSDL quốc gia với các hệ thống thông tin của các bộ ngành trung ương và địa phương để phục vụ công tác quản lý nhà nước“ | Để khắc phục tình trạng Ứng dụng CNTT theo ngành dọc (do các cơ quan Trung ương triển khai) và tại địa phương (tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương) chưa có sự phối hợp một cách đồng bộ |  |
| 4 | **Điều 51. Khu công nghệ thông tin tập trung** | Điều chỉnh là khu công viên phần mềm | Nhằm quy định rõ và tạo điều kiện cho các khu công viên phần mềm hiện nay hoạt động và phát triển thay vì quy định chung chung |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Văn phòng Chính phủ; * Bộ Khoa học và Công nghệ; * Bộ Thông tin và Truyền thông; * Thường trực Thành ủy; * Thường trực HĐND TP; * TTUB: CT, các PCT; * VPUB; các CPVP; * Các Sở: TTTT, KHCN, CT, TC, KHĐT; * BQL KCNC, CNS, QTSC; * Các Hội: Tin học, Vi mạch bán dẫn, VNISA, Điện tử-Truyền thông; * Lưu VT, ( KT- ). | **KT.CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Trần Vĩnh Tuyến** |